

Bản án số: 455/2025/DS-PT
Ngày: 22/7/2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng

Ông Phạm Minh Tùng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Diệu- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 7 và ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 221/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025, của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng bị kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 360/2025/QĐXXPT – DS ngày 13/6/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 438/2025/QĐPT-DS ngày 27/6/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thành N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:**

1. Anh Trần Văn Q (Q1), sinh năm 1986;

2. Chị Võ Thị Đ (vợ anh Q), sinh năm 1986;

3. Anh Huỳnh Văn P, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Văn S, sinh năm 1989;

Nơi ĐKKHKT: Ấp P, xã P, huyện H (nay là xã P), tỉnh Đồng Tháp.

Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: Khu nhà ở N đường N, Khóm E, phường A, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Lê Thị N1, sinh năm 1963 (vợ ông N);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Đồng Tháp.

3. Chị Trần Thị L, sinh năm 1976 (vợ anh P);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Anh Trần Văn Q (Q1) và chị Võ Thị Đ là bị đơn.

5. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng kháng nghị

Có mặt tại phiên tòa: Ông Nguyễn Thành N, anh Trần Văn Q, anh Huỳnh Văn P, bà Lê Thị N1. Chị Võ Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa. Riêng bà Lê Thị N1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 22/7/2025.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2024 và đơn kiện bổ sung đề ngày 22/11/2024 ông Nguyễn Thành N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N trình bày: Ông là chủ hộ kinh doanh mua, bán mặt hàng thức ăn thủy sản. Ông có quen biết với anh Trần Văn Q (Q1) do gia đình anh Q nuôi cá tra thành phẩm. Anh Q có liên hệ ông mua thức ăn thủy sản để nuôi cá nhiều lần. Khi mua bán thì anh Q có bàn bạc với ông là tạm thời mua thức ăn thiếu đến khi thu hoạch và bán cá sẽ thanh toán nợ cho ông. Vì chỗ làm ăn thân quen nên ông đã đồng ý cho anh Q mua thiếu. Các khoản thức ăn thủy sản anh Q đã nhận và khoản tiền đã nợ như sau:

+ Ngày 09/8/2019 S giao 07 tấn thức ăn thủy sản loại 1,5 li hiệu Da chan, trả trước một phần, nợ lại số tiền 32.500.000 đồng;

+ Ngày 23/8/2019 S giao 2,5 tấn thức ăn thủy sản loại 1li, hiệu Dachan, số tiền nợ là 43.000.000 đồng;

+ Ngày 16/9/2019 S giao 07 tấn thức ăn thủy sản (02 tấn loại 1,5li và 05 tấn loại 02 li, cùng hiệu Dachan), số tiền nợ là 102.500.000 đồng;

+ Ngày 31/10/2019, S giao 02 xe tổng cộng là 15 tấn thức ăn thủy sản, loại 02 li, hiệu Long Thang, số tiền nợ là 222.500.000 đồng;

+ Ngày 10/11/2019 S giao 01 tấn thức ăn thủy sản, loại 1,5li, hiệu Dachan, số tiền nợ là 17.200.000 đồng;

+ Ngày 11/11/2019, S giao 09 tấn thức ăn thủy sản, loại 02 li, hiệu Long Thang, số tiền nợ là 133.200.000 đồng;

+ Ngày 12/11/2019, S giao 10 tấn thức ăn thủy sản, loại 02 li, hiệu Long Thang, số tiền nợ là 148.000.000 đồng;

Tổng cộng số lượng thức ăn thủy sản S đã giao là 51,5 tấn, thành tiền là 698.400.000 đồng, ông đã đưa cho anh Q ký biên bản chốt nợ ngày 19/12/2019 với số tiền này. Sau đó, ngày 01/01/2022 anh Q trả được số tiền 70.000.000 đồng nên số tiền mua thức ăn thủy sản anh Q còn nợ gốc là 628.400.000 đồng. Anh Q hứa bán cá xong sẽ trả đủ hứa nhiều lần nhưng không trả.

Khi anh Trần Văn Q (tên thường gọi là Q1) mua thức ăn thủy sản thì anh Q (Q1) điện thoại cho ông, sau khi anh Q đặt hàng xong thì ông liên hệ với Công ty để mua hàng. Lúc nào có hàng, nhân viên Công ty Đ1 cho tài xế xe tên S mà ông thuê chở hàng đến ấp T, xã T giao cho anh Trần Văn Q (Quần). Khi S giao hàng xong thì có cho người nhận hàng ký tên. Sau khi S báo với ông đã giao hàng xong thì ông có điện thoại cho anh Q để xác nhận lại xem anh Q có nhận đủ hàng chưa. Anh Q (Q1) cũng xác nhận đã nhận đủ. Đối với biên bản chốt nợ ngày 19/12/2019 có chữ ký Trần Văn Q1 thì ông xác định là ông đưa biên bản này trực tiếp cho anh Q1, còn việc anh Q1 có trực tiếp ký hay không thì thật tình ông không rõ (lý do khi các bên đối chiếu nợ, trong thời gian chờ anh Q kiểm tra từng mốc thời gian và số lượng hàng trong biên bản chốt nợ thì ông đi vệ sinh, khi đi vệ sinh vào thì thấy biên bản chốt nợ đã ký và anh Q đưa biên bản chốt nợ cho ông nên ông nghĩ là anh Q đã ký, không biết sự việc anh P đã ký dùm cho anh Q). Ông không yêu cầu giám định chữ ký trong biên bản chốt nợ năm 2019 và các phiếu giao hàng vì anh P đã thừa nhận do anh P ký tên (riêng phiếu giao hàng ngày 31/10/2019 đối với 07 tấn thì anh Q thừa nhận anh Q ký).

Thời điểm năm 2019 thì ông chỉ làm ăn với anh Q (Quần), không làm ăn với ông Huỳnh Văn P. Sau khi chốt nợ với anh Q1 ngày 19/12/2019 thì anh Q1 mới giới thiệu anh P cho ông để anh P mua thiếu thức ăn thủy sản của ông, anh

Q có năn nỉ ông bán cho anh rể anh Q là anh Huỳnh Văn P và vợ là Trần Thị L để thức cá gần bán, anh Q1 nói ông tiếp bán cho anh P vài xe thức ăn, bán cá xong sẽ trả. Khi ông P bán cá xong thì không trả tiền cho ông nên ông đã kiện anh P và được hòa giải thành theo biên bản chốt nợ năm 2020.

Riêng khoản nợ năm 2019 của anh Trần Văn Q (Quần), sau khi chốt nợ ngày 19/12/2019 thì đến ngày 01/01/2022 anh Q (Q1) có trả cho ông số tiền là 70.000.000 đồng, khi trả thì không làm biên nhận mà ông chỉ viết vào phía dưới của biên bản chốt nợ ngày 19/12/2019 là trả 70.000.000 đồng còn nợ lại 628.400.000 đồng. Ông khẳng định nợ này của ông Q nhưng nay ông Q1 và ông P cho rằng chữ ký trong biên nhận ngày 19/12/2019 là của P nhưng ông khẳng định nợ là của ông Q (Quần). Do đó, ông yêu cầu các bị đơn gồm anh Trần Văn Q (Quần), chị Võ Thị Đ (vợ anh Q) và ông Huỳnh Văn P cùng liên đới trả tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ của cửa hàng ông gốc 628.400.000 đồng và tiền lãi 243.308.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 871.708.000 đồng. Ông không yêu cầu vợ ông P là bà L liên đới trả nợ. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm. Theo bảng kê ngày 28/3/2025 mà nguyên đơn cung cấp thể hiện số tiền nợ gốc là 698.400.000 đồng và số tiền lãi 209.351.000 đồng tính từ thời điểm chốt nợ 19/12/2019 đến ngày 17/5/2024 theo mức lãi suất 0,8%/tháng/1.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 907.751.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thống nhất trừ số tiền trả 70.000.000 đồng ngày 01/01/2022 vào số tiền gốc. Nay chỉ yêu cầu số tiền nợ gốc 628.400.000 đồng và số tiền lãi 221.600.000 đồng tính từ thời điểm chốt nợ 19/12/2019 đến ngày 17/5/2024 theo mức lãi suất 0,8%/tháng/1.000.000 đồng (chia thành 02 khỏp lãi, từ ngày 19/12/2019 đến ngày 01/01/2022 tiền lãi là 128.505.600 đồng trên số tiền gốc 698.400.000 đồng; khỏp lãi thứ 2 từ sau ngày 01/01/2022 đến ngày 17/5/2024 làm tròn 17 tháng trên số tiền gốc 628.400.000 đồng với số tiền lãi là 135.734.400 đồng. Tổng cộng 02 khỏp lãi là 264.240.000 đồng nhưng ông N thống nhất chỉ lấy tiền lãi là 221.600.000 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng).

- **Bị đơn anh Trần Văn Q (Q1) trình bày:** Anh tên là Trần Văn Q tên thường gọi là Q1, anh là em vợ của anh Huỳnh Văn P. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N thì anh không đồng ý vì các lý do sau: Số tiền mua thức ăn thủy sản mà ông N kiện gốc 628.400.000 đồng và tiền lãi 243.308.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 871.708.000 đồng là số tiền của anh Huỳnh Văn P nợ ông N, không liên quan vợ chồng anh. Vào năm 2019 anh có mua thức ăn thủy sản

của ông Nguyễn Thành N - Chủ hộ kinh doanh- mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N vì ông N có hầm nuôi cá gần hầm cá của anh. Anh chỉ mua thức ăn thủy sản của ông N 01 lần duy nhất và mua trả tiền mặt. Tài xế S là người giao thức ăn thủy sản của ông N cho anh, có khi giao tại hầm nuôi cá của anh có khi giao tại nhà anh. Trong các phiếu giao hàng mà ông N khởi kiện thì anh chỉ ký tên vào phiếu giao hàng ngày 31/10/2019 là chữ ký của anh đối với số lượng 07 tấn (280 bao), số tiền mua thức ăn đối với 7 tấn này thì anh đã trả cho ông N xong. Các phiếu giao hàng còn lại và biên bản chốt nợ ngày 19/12/2019 là do anh P ký tên Q1 và ghi họ tên Trần Văn Q1, anh P cũng thừa nhận do anh P ký nên anh không yêu cầu giám định. Trước đây, ông N có đến gặp anh năn nỉ anh trả tiếp anh P ½ số tiền nhưng anh không đồng ý vì số nợ này không liên quan anh, càng không liên quan vợ anh là Võ Thị Đ, sinh năm 1986 nên không đồng ý đưa vợ anh vào tham gia tố tụng. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N thì anh không đồng ý.

Tại phiên tòa, anh Q giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong biên bản chốt nợ ngày 19/12/2019 và các phiếu giao hàng năm 2019 mà nguyên đơn cung cấp. Anh Q không đồng ý việc nguyên đơn yêu cầu vợ chồng anh liên đới trả nợ. Anh Q xác định anh là người giới thiệu anh P mua thức ăn thủy sản của ông N năm 2019 nên nợ trong biên bản chốt nợ năm 2019 là nợ của anh P, không liên quan vợ chồng anh. Anh Q thừa nhận có trả số tiền 70.000.000 đồng cho ông N đối với số lượng 07 tấn thức ăn thủy sản theo phiếu giao hàng ngày 31/10/2019, việc trả tiền không làm giấy tờ. Đối với việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa với số tiền gốc và lãi tổng cộng 850.000.000 đồng thì anh không có ý kiến vì anh cho rằng số nợ này là nợ của anh Huỳnh Văn P. Anh Q thừa nhận bà Trần Thị T, ông Trần Văn T1 và anh (Trần Văn Q) là anh em ruột với là Trần Thị L (vợ anh P), còn anh Nguyễn Văn B là anh rể của chị Trần Thị L.

- Bị đơn chị Võ Thị Đ không có văn bản ý kiến, không đến Tòa án.

- Bị đơn anh Huỳnh Thanh P1 trình bày: Anh tên là Huỳnh Văn P không phải Huỳnh Thanh P1 như đơn kiện của ông N. Còn Trần Văn Q (tên thường gọi là Q1). Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N thì anh có ý kiến: Số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ gốc 628.400.000đồng và tiền lãi 243.308.000đồng. Tổng cộng gốc và lãi 871.708.000đồng (tám trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm lẻ tám nghìn đồng) mà ông N kiện là tiền của anh nợ,

không liên quan vợ chồng Trần Văn Q (Quấn). Cụ thể như sau: Vào năm 2019 anh có mua thức ăn thủy sản của ông Nguyễn Thành N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N vì ông N có hầm nuôi cá gần hầm cá của anh nên ông N và anh có thỏa thuận ông N sẽ bán thức ăn cho anh không có lãi, việc thỏa thuận không có lãi chỉ nói miệng. Anh biết ông N thông qua em vợ anh là Trần Văn Q (Quấn) vì Q cũng nuôi cá gần hầm của ông N, Q mua thức ăn của ông N trước nhưng mua trả tiền mặt. Sau đó, Q giới thiệu anh mua thức ăn thủy sản thiếu của ông N. Người giao thức ăn thủy sản của ông N có nhiều người giao, anh chỉ biết S, khi S giao hàng thì anh là người trực tiếp ký, đối với phiếu giao hàng ngày 31/10/2019 đối với 07 tấn thức ăn (280) thì Q ký và Q đã trả tiền xong, không còn nợ ông N.

Trước đây, ông N từng khởi kiện anh một lần, đã được Tòa án giải quyết bằng quyết định hòa giải thành là anh có nghĩa vụ trả nợ cho ông N số tiền khoảng hơn sáu trăm triệu theo biên bản chốt nợ năm 2020, các phiếu giao hàng năm 2020 có chữ ký và ghi họ tên Huỳnh Văn P là do anh ký và ghi họ tên. Thời điểm thi hành án thì bán đất ruộng của vợ chồng anh (đất thế chấp cho Ngân hàng V), khi thỏa thuận thi hành án thì có Ngân hàng thống nhất thỏa thuận bán tài sản thế chấp cho bà Lê Thị H, địa chỉ ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp với số tiền bao nhiêu không nhớ. Sau khi bán thì trả cho ông N 500.000.000 đồng (phần còn lại hơn một trăm triệu đồng thì ông N cho anh nên không yêu cầu thi hành án nữa), số tiền bán đất còn dư lại thì trả cho Ngân hàng. Đối với số tiền 698.400.000 đồng thì ông N muốn chuyển sang cho em vợ anh là Trần Văn Q (Quấn) nhưng anh và Q không đồng ý vì Q mua thức ăn trả tiền mặt, không có nợ ông N, số tiền này là tiền anh nợ ông N nhưng do ông N thấy anh bế nợ, nhiều người kiện, không còn tài sản, còn Q có tài sản là đất ruộng nên ông N muốn Q trả nhưng Q không liên quan. Do anh nuôi cá lỗ, không có khả năng trả nợ được, anh cũng năn nỉ nhiều lần nhưng ông N không đồng ý. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N trong quá trình giải quyết vụ án thì anh đồng ý trả số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ gốc 628.400.000 đồng và tiền lãi 243.308.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 871.708.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh Huỳnh Văn P giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên. Đối với thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N về việc chỉ yêu cầu số tiền 628.400.000 đồng và số tiền lãi 221.600.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 850.000.000 đồng thì anh thống nhất và đồng ý một mình anh trả số tiền này

cho nguyên đơn. Anh khẳng định số nợ này không liên quan vợ chồng Trần Văn Q (Q1), không liên quan vợ anh là Trần Thị L. Anh P cho rằng biên bản chốt nợ ngày 19/12/2019 anh ký tên Q1 và ghi tên Trần Văn Q1 là do anh nhầm lẫn nên anh không yêu cầu giám định chữ ký chữ viết trong biên bản chốt nợ ngày 19/12/2019 cũng như các phiếu giao hàng năm 2019. Anh P thừa nhận bà Trần Thị T, bà Trần Thị T, ông Trần Văn T1 là anh em ruột với vợ anh là Trần Thị L, còn anh Nguyễn Văn B là anh rể của chị Trần Thị L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N1 (vợ ông N) trình bày: Sự việc mua bán thức ăn thủy sản giữa chồng bà và anh Q, anh P thì chỉ có chồng bà biết rõ. Việc anh Q và anh P cho rằng khi chồng bà là ông N đối chiếu nợ với anh P có mặt bà là hoàn toàn không đúng. Thời điểm đối chiếu nợ giữa chồng bà và anh Q năm 2019 thì bà không có mặt. Chữ P + Q trên đầu giấy chốt nợ ngày 19/12/2019 là do bà viết là để làm dấu P và Q là anh em cho dễ nhớ chứ thực tế số nợ này là của anh Trần Văn Q (Quán), không phải nợ của anh P vì anh P mua thức ăn thủy sản của chồng bà từ năm 2020, còn Q1 thì mua năm 2019. Nếu vợ chồng bà gian dối thì anh P thừa nhận nợ, vợ chồng bà đã đồng ý chờ đại dột gì mà cứ đeo vụ kiện đối với Q. Do vợ chồng bà muốn sự thật rõ ràng, nợ của Q thì Q phải thừa nhận chứ không thể đẩy sang cho P. Các nội dung trên bà trình bày là hoàn toàn đúng sự thật. Bà bận công việc nên xin được vắng mặt từ nay đến khi giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn S trình bày: Anh Q (Q1), chị Đ, anh P là ai thì anh không biết. Anh chỉ biết là trước đây ông Nguyễn Thành N ở xã T, thành phố H có thuê anh lên Long An để nhận thức ăn thủy sản cho ông N, nhận hàng xong thì ông N có đưa cho anh số điện thoại, anh sẽ điện thoại và giao hàng. Làm việc toàn bộ qua điện thoại. Ông N thuê anh chở hàng đến nhiều nơi, có khi T, có khi Hồng N2. Anh chỉ là người chở hàng thuê cho ông N. Anh không bà con, dòng họ hay bàn bè gì với anh Q, chị Đ hay anh P. Anh S xác định năm 2019, năm 2020 có chở thuê thức ăn thủy sản cho ông N đến giao tại ấp T, xã T, huyện T, khi ông N điện thoại thì anh đến Công ty lấy hàng và chở hàng đến ấp T, xã T, huyện T để giao hàng, ông N có đưa số điện thoại của người nhận hàng để anh điện thoại xem giao hàng ở đâu, người nhận hàng kiểm tra đủ số lượng thì ký vào phiếu sau phiếu giao hàng (mặt trước sẽ có chữ ký của anh nhận hàng từ Công ty, mặt sau sẽ có chữ ký của người mà anh đã giao hàng), còn người ký nhận hàng có phải là anh Q hay không thì anh không rõ, anh cũng không nhớ mặt anh Q với anh P nên nếu có để anh gặp để đối chất với anh Q, anh P thì anh cũng không nhớ do thời gian lâu. Anh S cũng

không nhớ bắt đầu giao thức ăn thủy sản cho anh Huỳnh Văn P năm 2019 hay năm 2020. Sau khi người nhận hàng ký nhận xong thì anh đem phiếu hàng giao lại cho ông N để ông N ghi vào sổ, ông N điện thoại người nhận hàng để kiểm tra, nếu xác nhận đã nhận hàng thì ông N thanh toán tiền xe cho anh. Anh xác định là có giao hàng đúng như các phiếu giao hàng mà ông N kiện mà Tòa án cho anh tiếp cận, còn người nhận hàng có phải là anh Q hay không thì anh không rõ, nhiệm vụ anh là chở xe thuê, giao xong thì nhận tiền nên anh không còn trách nhiệm gì. Do bận công việc nên anh xin được vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Tân Hồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N.

Buộc các bị đơn anh Trần Văn Q (Q1), chị Võ Thị Đ và anh Huỳnh Văn P cùng liên đới trả cho ông Nguyễn Thành N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ gốc là 628.400.000 đồng (sáu trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng) và số tiền lãi 221.600.000 đồng (hai trăm hai mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng) tính từ thời điểm chốt nợ 19/12/2019 đến ngày 17/5/2024 theo mức lãi suất 0,8%/tháng/1.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng). Ngoài số tiền này thì các bị đơn không còn nợ nguyên đơn số tiền nào khác.

Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N không phải chịu tiền án phí được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.076.000 đồng (mười chín triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010057 ngày 22/5/2024;

Buộc các bị đơn anh Trần Văn Q (Q1), chị Võ Thị Đ và anh Huỳnh Văn P cùng liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 37.500.000 đồng (ba mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/4/2025 anh Trần Văn Q và chị Võ Thị Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng anh Q và chị Đ không có trách nhiệm liên đới cùng anh P trả số tiền mua thức ăn thủy sản gốc và lãi cho ông N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N.

Ngày 11/4/2025 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng có quyết định kháng nghị số 02/QĐ-KS-DS đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Trần Văn Q và chị Võ Thị Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Nguyễn Thành N không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn Q và chị Võ Thị Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp thay đổi một phần quyết định kháng nghị số 02/QĐ-KS-DS ngày 11/4/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng chỉ sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2025/DS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12- Đồng Tháp theo hướng không buộc liên đới anh Trần Văn Q và chị Võ Thị Đ cùng anh Huỳnh Văn P trả số tiền mua thức ăn thủy sản gốc và lãi cho ông N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2025/DS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12- Đồng Tháp;

- Chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn Q và chị Võ Thị Đ;

- Chấp nhận kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng sau khi đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp thay đổi một phần quyết định kháng nghị số 02/QĐ-KS-DS ngày 11/4/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng chỉ sửa một phần bản án dân sự án sơ thẩm số: 08/2025/DS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12- Đồng Tháp theo hướng không buộc liên đới anh Trần Văn Q và chị Võ Thị Đ cùng anh Huỳnh Văn P trả số tiền mua thức ăn thủy sản gốc và lãi 850.000.000 đồng cho ông N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và lời phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Trần Văn Q và chị Võ Thị Đ là bị đơn kháng cáo; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng kháng nghị trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 280, 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Anh Trần Văn Q và chị Võ Thị Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng anh Q và chị Đ không có trách nhiệm liên đới cùng anh P trả số tiền mua thức ăn thủy sản gốc và lãi cho ông N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm ông N trình bày ông bán thức ăn cho anh Q chứ không phải bán thức ăn cho anh P. Khi giao thức ăn là ông Phạm Văn S đi giao, ông cũng không biết ai là người ký nhận thức ăn, nhưng khi giao thức ăn về ông S đưa phiếu giao hàng cho bà N1 (vợ ông N) thì

bà N1 trả tiền xe cho ông S. Khi chốt nợ ông đem biên bản chốt nợ đến nhà anh Q và anh Q có kêu anh P đến, ông để biên bản chốt nợ trên bàn và đi tiểu, khi tiểu xong vô thì biên bản chốt nợ đã ký Quấn (Q) và ghi họ tên Trần Văn Q1 nên ông cầm về. Đến khi khởi kiện ra Tòa thì anh P thừa nhận chữ ký Q1 và ghi họ tên Trần Văn Q1 là anh P ghi, lúc này ông mới biết là anh P ký tên nên ông N yêu cầu anh Q, Đ (vợ Q) và P cùng liên đới trả nợ. Ông N không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký tên Q1. Ông N khẳng định anh Q và anh P mua thức ăn của ông N là mua độc lập và việc bán thức ăn cũng bán độc lập, không bán chung cho anh Q và anh P.

Anh Q không thừa nhận có liên quan đến số nợ trong biên nhận nợ này, vì anh Q không biết và không có ký tên trong biên nhận, đến năm 2023 khi ông N kiện anh Q và chị Đ thì anh Q mới biết biên nhận này. Anh Q chỉ thừa nhận có 01 lần mua thức ăn thủy sản của ông N, có ký vào phiếu giao hàng ngày 31/10/2019 đối với số lượng 07 tấn (280 bao) tương đương 103.600.000 đồng và đã trả cho ông N 70.000.000 đồng. Ông Phạm Văn S có lời khai trong hồ sơ: Ông S không biết anh P, anh Q, chị Đ là ai, trước đây ông có lên Long An để nhận thức ăn thủy sản cho ông N, nhận hàng xong thì ông N có đưa cho anh số điện thoại, anh sẽ điện thoại và giao hàng. Làm việc toàn bộ qua điện thoại. Ông S xác định năm 2019, năm 2020 có chở thuê thức ăn thủy sản cho ông N đến giao tại ấp T, xã T, huyện T, khi ông N điện thoại thì ông đến Công ty lấy hàng và chở hàng đến ấp T, xã T, huyện T để giao hàng, ông N có đưa số điện thoại của người nhận hàng để anh điện thoại xem giao hàng ở đâu, người nhận hàng kiểm tra đủ số lượng thì ký vào phiếu sau phiếu giao hàng (mặt trước sẽ có chữ ký của anh nhận hàng từ Công ty, mặt sau sẽ có chữ ký của người mà anh đã giao hàng), còn người ký nhận hàng có phải là anh Q hay không thì ông không rõ. Anh Huỳnh Văn P, thừa nhận có mua thức ăn thủy sản và có ký tên vào biên nhận chốt nợ ngày 19/12/2019, đồng ý một mình trả số tiền mua bán thức ăn còn thiếu và lãi theo yêu cầu của ông N.

Xét thấy lời khai của anh Q phù hợp với lời khai của anh P, ông S và phù hợp với các biên nhận mà ông N cung cấp. Ngoài ra, tại giai đoạn phúc thẩm ông N cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh có giao cho anh Q và chị Đ số lượng 44,5 tấn thức ăn thủy sản (51,5 tấn trừ 07 tấn Q thừa nhận) tương đương 628.400.000 đồng.

Từ những nhận định nêu trên xét thấy kháng cáo của anh Q và chị Đ là có căn cứ nên chấp nhận.

[3]. Như nhận định trên xét thấy quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-

DS ngày 11/4/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng sau khi đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp thay đổi một phần quyết định kháng nghị số 02/QĐ-KS-DS ngày 11/4/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng chỉ sửa một phần bản dân sự án sơ thẩm số: 08/2025/DS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12- Đồng Tháp theo hướng không buộc liên đới anh Trần Văn Q và chị Võ Thị Đ cùng anh Huỳnh Văn P trả số tiền mua thức ăn thủy sản gốc và lãi 850.000.000 đồng cho ông N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N là có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Q, chị Đ; chấp nhận quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS ngày 11/4/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng nên sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Do sửa án nên sửa án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2025/DS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp; Chấp nhận kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng; Chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn Q và chị Võ Thị Đ là có căn cứ phù hợp pháp luật nên chấp nhận như nhận định trên.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Q, chị Đ nên anh Q, chị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2025/DS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp nay là Tòa án nhân dân khu vực 12- Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T2 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn Q và chị Võ Thị Đ.
2. Chấp nhận kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng.
3. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp nay là Tòa án nhân dân khu vực 12- Đồng Tháp.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N.

Buộc anh Huỳnh Văn P trả cho ông Nguyễn Thành N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ gốc là 628.400.000 đồng và số tiền lãi 221.600.000 đồng tính từ thời điểm chốt nợ 19/12/2019 đến ngày 17/5/2024 theo mức lãi suất 0,8%/tháng/1.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thành N - Chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản Nguyễn Thành N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.076.000 đồng (mười chín triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010057 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Tân Hồng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12). Ông N được nhận lại 18.776.000 đồng;

Anh Huỳnh Văn P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 37.500.000 đồng (ba mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Văn Q, chị Võ Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Trần Văn Q, chị Võ Thị Đ 600.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005036 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12).

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi

hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

6. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp nay là Tòa án nhân dân khu vực 12- Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng TT-KT và THA TAT;
- VKSND Tỉnh;
- TAND Khu vực 12;
- THADS Tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước